

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày 29/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Mĩ; Bà Lê Thị Đào

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Văn Thuận – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST – HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST – HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Triệu Văn N. Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 08/8/1992 tại B, Bắc Kạn

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Phúc Đ và bà Bàn Thị T; có vợ là Triệu Thị L và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01 – Ngày 08/9/2017 bị Trám kiểm lâm V thuộc Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

* *Bị hại:* Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện theo pháp luật là ông Nông Quốc D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; đại diện theo uỷ quyền là ông Nông Văn K – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B (Văn bản uỷ quyền số 1183/UBND – NC ngày 09/10/2018). Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đặng Hữu N – có mặt; Bàn Kim T – có mặt. Triệu Phúc Đ, Bàn Thị T - đều vắng mặt. Tất cả đều trú tại xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Trần Thị Hồng U, Vũ Văn H đều trú tại tổ T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn - đều vắng mặt.

* *Người làm chứng*: Triệu Văn T, Triệu Sinh T, Bàn Văn B, Đặng Hữu T, Đặng Hữu S, Hoàng Thị L. Tất cả đều trú tại xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - đều vắng mặt.

* *Người bào chữa* cho bị cáo Triệu Văn N là bà Hoàng Thu C, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 19/10/2017 Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Đội kiểm lâm cơ động phòng cháy chữa cháy rừng số 1 thuộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Bắc Kạn, Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên K và chính quyền xã C kiểm tra phát hiện tại thôn T, xã C có 02 bãi gỗ sao tròn gồm 120 khúc có khối lượng 24,569 m³. tại thời điểm kiểm tra Bàn Kim T - sinh năm 1978 trú tại thôn K, xã C, huyện B nhận là chủ số gỗ trên đồng thời xuất trình một bộ hồ sơ cấp phép khai thác gỗ và trình bày số gỗ trên T thuê Đặng Hữu N khai thác.

Ngày 26/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B nhận bàn giao từ Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc Kạn vụ việc nêu trên để giải quyết theo qui định.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành mở rộng điều tra xác minh làm rõ nội dung sau: Khoảng tháng 12/2016 Đặng Hữu N mượn cưa máy của Bàn Kim T tự mình khai thác 31 cây gỗ sao tròn (nhóm III) và 01 cây gỗ SP (nhóm VIII) có khối lượng 19,739 m³ tại khu rừng K thuộc thôn T, xã C (trong đó: gỗ sao có khối lượng 19,606 m³, gỗ SP có khối lượng 0,133 m³), sau khi khai thác xong Đặng Hữu N mượn tời, dây cáp của T đồng thời thuê Triệu Văn T - sinh năm 1987 trú tại thôn T, xã C, huyện B cùng Đặng Hữu N tời 78 khúc gỗ sao có khối lượng 16,895 m³ từ khu rừng K tập kết tại chân lô KM thuộc thôn T, xã C, huyện B. Khối lượng 2,844 m³ (trong đó 2,711 m³ gỗ sao, 0,133 m³ gỗ SP còn tại hiện trường).

Khối lượng gỗ sao gồm 13,935 m³, trong đó: 63 khúc lấy ra khỏi hiện trường tập kết tại chân lô KM, tiếp đó được vận chuyển về khu vực E thuộc thôn T, xã C và 15 khúc gỗ sao có khối lượng 2,960 m³ lấy ra khỏi hiện trường được tập kết tại chân lô KM. Cụ thể:

- Đối với 13,935 m³ gỗ sao, ngày 09/10/2017 Đặng Hữu N thuê Triệu Văn N - sinh năm 1992 trú tại thôn T, xã C, huyện B vận chuyển từ chân lô KM về khu vực E với giá 500.000đ/chuyến. Triệu Văn N sử dụng xe ô tô tải BKS 97C – 008.32 vận chuyển một chuyến gồm 31 khúc có khối lượng 6,346 m³, mục đích vận chuyển gỗ của Triệu Văn N để lấy tiền chi tiêu cá nhân kể cả biết số gỗ Đặng Hữu N thuê vận chuyển không có giấy tờ hợp pháp. Sau đó Đặng Hữu N có mượn ô tô của Triệu Văn N rồi nhờ Bàn Kim T vận chuyển một chuyến gồm 32 khúc gỗ có khối lượng 7,589 m³. Trước khi vận chuyển Đặng Hữu N có thuê Hoàng Thị L - sinh năm 1982 trú tại thôn K, xã C và Đặng Hữu S - sinh năm 1998, Đặng Hữu T - sinh năm 1996, Triệu Sinh T – sinh năm 1986, Bàn Văn B – sinh năm 1988 cùng trú tại thôn T, xã C, huyện B bốc gỗ lên xe,

trong quá trình bóc có khúc nào nặng thì Triệu Văn N cùng hộ bóc. Quá trình thuê Đặng Hữu N không thông báo cho những người tham gia biết số gỗ họ bóc, vận chuyển không có giấy tờ hợp pháp vì sợ họ sẽ không nhận lời.

- Đối với số gỗ sao gồm 15 khúc có khối lượng 2,960 m³ Đặng Hữu N đã bán cho Vũ Văn h - sinh năm 1983 trú tại tổ T, phường X, thành phố B kèm theo 01 bộ giấy phép khai thác gỗ sao của Bàn Kim T. Sau đó H bán lại cho Trần Thị Hồng U – sinh năm 1976 trú tại tổ T, xã X, thành phố B kèm theo 01 bộ giấy phép khai thác gỗ sao của Bàn Kim T (bản phô tô).

Ngày 07/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định vị trí khu rừng do Đặng Hữu N khai thác (chưa được cấp giấy phép khai thác) thuộc thửa số 28, khoảnh 4 tiểu khu 386 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp GCNQSDĐ số AP 518984 ngày 11/11/2009 cho hộ Triệu Văn S – sinh năm 1977 trú tại thôn T, xã C và thửa đất số 33 khoảnh 4 tiểu khu 386 được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AP 518970 ngày 03/9/2008 cho hộ Đặng Văn H sinh năm 1966 trú tại thôn T, xã C với chức năng là rừng sản xuất.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL - ĐGTS ngày 26/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Tổng khối lượng 19, 739 m³ gỗ sao (nhóm III) và gỗ SP (nhóm VIII) đang được tạm giữ bảo quản tại Trạm kiểm lâm C, Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR số 1 thuộc Chi cục kiểm lâm Bắc Kạn và tại khu rừng K thuộc thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn tại thời điểm xâm hại tháng 12/2018. Tổng giá trị 115.439.000đ (*một trăm mười lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*), cụ thể như sau:

- 16,895 m³ gỗ sao bảo quản tại Trạm kiểm lâm C và Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR số 1 thuộc Chi cục kiểm lâm Bắc Kạn có giá trị là 109.817.500đ, cụ thể:

+ Khối lượng 7,589 m³ gỗ sao có giá trị: 7,589 m³ x 6.500.000đ = 49.328.500đ

+ Khối lượng 6,346 m³ gỗ sao có giá trị: 6,346 m³ x 6.500.000đ = 41.249.000đ

+ Khối lượng 2,960 m³ gỗ sao có giá trị: 2,960 m³ x 6.500.000đ = 19.240.000đ.

- 2,844m³ gỗ sao (nhóm III) và gỗ SP (nhóm VIII) còn lại tại khu rừng K thuộc thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có giá trị là 5.621.500đ gồm:

+ Khối lượng 2,711 m³ gỗ sao có giá trị: 2,711 m³ x 2.000.000đ = 5.422.000đ

+ Khối lượng 0,133 m³ gỗ SP có giá trị: 0,133 m³ x 1.500.000đ = 199.500đ.

Ngày 08/9/2017 Triệu Văn N bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển trái phép lâm sản. Ngày 09/10/2017 N tiếp tục có hành vi vận chuyển gỗ cho Đặng Hữu N do khai thác trái phép.

Tại bản cáo trạng số 34/CT – VKS – BT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Triệu Văn N về tội “ *Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*” qui định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

*** Điều luật có nội dung:**

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm;

b) Vận chuyển...gỗ trái phép,...

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo điểm, khoản, điều luật và tội danh như đã viện dẫn ở trên và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30/BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Triệu Văn N từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS năm 1999; Điều 106/BLTTHS năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 584; Điều 585; Điều 589/BLDS buộc Đặng Hữu N bồi thường thiệt hại cho UBND huyện B đối với 2,844 m³ gỗ bị hư hỏng bằng tiền là 5.621.500đ.

Về án phí: Bị cáo Triệu Văn N và Đặng Hữu N đều thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Đề nghị áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, miễn án phí dân sự cho Đặng Hữu Nguyên.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và xin được xem xét biện pháp cải tạo, mức hình phạt. Về xử lý vật chứng bị cáo thi hành theo qui định. Về án phí bị cáo xin được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét hoàn cảnh của bị cáo: là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng đặc biệt khó khăn...để có mức án phù hợp, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; và đề nghị miễn hình phạt bổ sung, án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà xác định: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 09/10/2017 khi Triệu Văn N được Đặng Hữu N thuê vận chuyển gỗ sao do Đặng Hữu N khai thác trái phép tại vườn rừng tự nhiên sản xuất của gia đình với giá 500.000đ/chuyên, mặc dù biết là gỗ do Đặng Hữu N khai thác trái phép nhưng Triệu Văn N đã sử dụng xe ô tô tải BKS 97C – 008.32 vận chuyển 31 khúc gỗ có khối lượng 6,346 m³ từ chân lô KM về khu vực E thôn T, xã C, huyện B. Bản thân Triệu Văn N vào ngày 08/9/2017 đã bị Trạm kiểm lâm V thuộc Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép.

Tại phiên toà bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT ngày 08/3/2007 của Bộ NN& PTNT – BTP – BCA – VKSNDTC – TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Triệu Văn N về tội “*Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 175/BLHS năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cần được xử lý nghiêm bằng hình phạt pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Đã có 01 tiền sự về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép; không phải chịu tình tiết tăng nặng; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*Bồi thường thiệt hại...*”; “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Thành khẩn khai báo...*” qui định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46/BLHS. Ngoài ra bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và được Nhà nước trợ cấp cho người hoạt động kháng chiến, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 46/BLHS. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, lao động tự do thu nhập không ổn định nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã tạm nộp khoản tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) thể hiện thái độ thành khẩn ăn năn hối cải của bị cáo. Xét thấy nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp.

[4]. Trong vụ án có những người liên quan cụ thể: Đối với Đặng Hữu N có hành vi khai thác trái phép 19,739 m³ gỗ sao và gỗ SP (gỗ tròn) sau đó bán 2,960 m³ gỗ sao cho Vũ Văn H. Đối với Bàn Kim T có hành vi vận chuyển 7,589 m³ gỗ sao trái phép cho Đặng Hữu N. Bản thân N, T chưa có tiền án, tiền sự, hành vi chưa đủ yếu tố xử lý bằng pháp luật hình sự. Ngày 05/11/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đối với Đặng Hữu N và Bàn Kim T.

Đối với Triệu Văn T có hành vi dùng tài để vận chuyển gỗ sao cho Đặng Hữu N nhưng bản thân T không biết gỗ do N khai thác là trái phép. Đặng Hữu S, Đặng Hữu T, Triệu Sinh T, Bàn Văn B, Hoàng Thị L được Đặng Hữu N thuê bốc gỗ lên xe ô tô BKS 97C – 008.32 của Triệu Văn N. Vũ Văn H, Trần Thị Hồng U mua 2,960 m³ gỗ sao với Đặng Hữu N. Những người này đều không biết là gỗ do N khai thác trái phép. Ông Triệu Phúc Đ và bà Bàn Thị T (là cha, mẹ đẻ của Triệu Văn N) là những người đã mua chiếc xe ô tô BKS 97C – 008.32 và cho N điều khiển làm phương tiện kinh doanh làm ăn chung của gia đình, ông Đ và bà T không biết N sử dụng xe vào việc phạm tội. Nên cơ quan pháp luật đều không xem xét xử lý đối với Triệu Văn T, Đặng Hữu S, Đặng Hữu T, Triệu Sinh T, Bàn Văn B, Hoàng Thị L, Vũ Văn H, Trần Thị Hồng U, Triệu Phúc Đ, Bàn Thị T.

[5]. Trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này Đặng Hữu N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có hành vi khai thác trái phép 19,739 m³ gỗ (gồm gỗ sao và gỗ SP), mặc dù hành vi không bị xử lý về hình sự nhưng phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước. Bị cáo Triệu Văn N vận chuyển số gỗ có khối lượng là 6,346 m³ do Nguyên khai thác trái phép. Nay đại diện của bị hại yêu cầu bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bồi thường thiệt hại do hành vi khai thác, vận chuyển gỗ trái phép theo qui định của pháp luật.

Xét thấy:

+ Đối với số gỗ 6,346 m³ do bị cáo Triệu Văn N vận chuyển hiện nay còn nguyên vẹn đầy đủ khối lượng. Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện B đã tiến hành thống kê, xác định khối lượng, chủng loại gỗ giao cho Trạm kiểm lâm B, xã C, huyện N thuộc Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K có trách nhiệm trông coi bảo quản. Vì vậy bị cáo không phải chịu trách nhiệm bồi thường.

+ Đối với số gỗ có khối lượng 10,549 m³ (trong đó có 7,589 m³ Đặng Hữu N thuê Bàn Kim T vận chuyển và có 2,960 m³ N bán cho Vũ Văn H, sau đó H bán cho Trần Thị Hồng U) tất cả đều đã được thu hồi, thống kê khối lượng, bảo quản tại Trạm kiểm lâm C thuộc Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K.

+ Đối với số gỗ có khối lượng 2,844 m³ gỗ sao và gỗ SP còn tại hiện trường khai thác. Tại biên bản kiểm tra ngày 20/4/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện và Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K thì toàn bộ số gỗ trên đã mục nát, hư hỏng không còn giá trị. Do đó buộc Đặng Hữu N chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện B số thiệt hại này. Cụ thể: 2,711 m³ gỗ sao x 2.000.000đ = 5.422.000đ; 0,133 m³ gỗ SP x 1.500.000đ = 199.500đ. Tổng cộng là 5.621.500đ (năm triệu sáu trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng).

[6]. Vật chứng:

- Số gỗ sao và gỗ SP có khối lượng 6,346 m³ giao cho Ủy ban nhân dân huyện B xử lý theo qui định của pháp luật.

- Đối với số gỗ sao có khối lượng 10,549 m³. Ngày 05/11/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản đối với Đặng Hữu N; đồng thời áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu sung quỹ

Nhà nước 10,549 m³ gỗ sao; 01 máy cưa xăng hiệu Husqvarna (kèm theo 01 lam, 01 xích dài 80cm) và 01 bộ tời Win nhãn hiệu Lisohaka.

- Đối với 01 dây cáp N và T sử dụng để tời gỗ; điện thoại, sim của N và bị cáo sử dụng liên lạc vận chuyển gỗ trái phép; chiếc xe ô tô BKS 97C 008.32 đăng ký Triệu Văn N là tài sản của ông Triệu Phúc Đ và bà Bàn Thị T đã bán cho người khác. Tất cả không thu giữ được.

- Quá trình giải quyết vụ án bị cáo tạm nộp khoản tiền 15.000.000đ tại biên lai số 08637 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Tạm giữ để thi hành án.

[7]. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[8]. Án phí: Bị cáo Triệu Văn N, Đặng Hữu N đều thuộc trường hợp được miễn án phí (dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn..., có đơn xin miễn nộp tiền án phí).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn N phạm tội: **Vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ rừng.**

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 30/BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn N 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

* **Trách nhiệm dân sự**: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 584, Điều 585; Điều 589/BLDS. Buộc Đặng Hữu N bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền là 5.621.500đ (*Năm triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng*). Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 357/BLDS hướng dẫn về việc tính lãi suất.

* **Vật chứng**: Áp dụng Điều 41/BLHS năm 1999; Điều 106/BLTTHS.

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện B xử lý theo qui định của pháp luật đối với số gỗ sao và gỗ SP có khối lượng là 6,346 m³ hiện đang để tại Trạm kiểm lâm B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thuộc Hạt kiểm lâm Khu bảo tồn thiên nhiên K (tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an – Trạm kiểm lâm B, xã C).

- Tạm giữ để thi hành án số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) của bị cáo Triệu Văn N đã nộp tại biên lai số 08637 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

* **Án phí**: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Văn N và miễn toàn bộ án phí dân sự cho Đặng Hữu N.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN, LQ;
- THAHS;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Thị Huyền

Huyền